

Bản án số: 145/2021/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 7 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 331/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1971.

Cư trú tại: Ấp Nhị Nguyệt, xã Trần Phán, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thủy, sinh năm 1968.

Cư trú tại: Ấp Nhị Nguyệt, xã Trần Phán, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2021 trong quá trình giải quyết nguyên đơn Nguyễn Văn G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông G với bà T chung sống cùng nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành dẫn đến vợ chồng không thể sống chung được nữa. Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà T.

- Tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị T:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông G chung sống cùng nhau vào năm 1994,

hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 ông G đi làm ở Bình Dương có quan hệ với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng ly thân đến nay. Nay, ông G yêu cầu ly hôn với bà, bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông G .

Về con chung: Ông G và bà T xác định vợ chồng có 02 con chung tên Trần Văn T , sinh ngày 23/6/1995 và Trần Thị M, sinh ngày 01/01/1998, các con đã trưởng thành và có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông G và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ông G và bà T xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vào ngày 24/6/2021 ông G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Giòn.

[2] Về quan hệ hôn nhân. Ông Giòn với bà Thủy chung sống cùng nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn và đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Giòn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Nay, ông G yêu cầu được ly hôn với bà T , bà T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông G . Tuy nhiên, do ông G và bà T chung sống với nhau trong thời gian dài, mặc dù đủ điều kiện kết hôn nhưng ông bà không đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông G với bà T là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Trần Văn T , sinh ngày 23/6/1995 và Trần Thị M , sinh ngày 01/01/1998 đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông G và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ: Ông G và bà T xác định không có.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, ông G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn G .

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Ông Nguyễn Văn G với bà Trần Thị T là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn G phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ông G đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012171 ngày 08/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; ông G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Bà Trần Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam

